

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST  
Ngày: 09-7-2021  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản và đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thiều Thị Phụng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đào;
2. Ông Trần Hữu Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ba Thị Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 560/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Ngọc N, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 103, đường Phạm Hồng Thái, khu phố 4, phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê P Y, sinh năm: 1995; địa chỉ: Số 8, Khu phố Hiệp Lễ, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (theo hợp đồng ủy quyền ngày 08/12/2020) ( có mặt)

Bị đơn: Chị Dương Thị Thùy D, sinh năm: 1986 và anh Trần Bá C, sinh năm: 1985; Cùng địa chỉ: Số nhà 733, tổ 07, ấp Phước Tân 2, xã Phan, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chị D vắng mặt, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-12-2020, quá trình giải quyết vụ án người đại diện cho nguyên đơn anh Lê P Y trình bày:*

Giữa chị N và chị D, anh C có mối quan hệ quen biết thân thiết nên ngày 15-01-2018 chị N có cho anh C và chị D mượn số tiền 604.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, giao tiền tại nhà của chị N, có làm giấy nợ viết thành 01 bản do chị D viết và ký tên, lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói 1%/ tháng, đã nhận 12 tháng tiền lãi là 60.400.000 đồng, thời hạn trả nợ 12 tháng nhưng đến nay chưa trả, giấy nợ không ghi ngày tháng mượn tiền và anh C cũng không ký tên trong giấy nợ, ngoài ra chị N có nhờ chị D góp nhiều phần hụi tổng cộng đã đưa là 122.800.000 đồng (không có chứng cứ, chứng minh cho việc góp hụi), hai bên có chốt nợ lại với nhau tiếp theo trên giấy mượn tiền, tuy nhiên cũng không ghi ngày tháng và anh C cũng không ký tên.

Nay yêu cầu chị D và anh C có trách nhiệm trả số tiền mượn 604.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi xuất theo quy định của pháp luật, tính từ ngày khởi kiện 09-12-2020 cho đến ngày xét xử là 07 tháng và yêu cầu trả lại số tiền đã đưa là 122.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

**Bị đơn chị Dương Thị Thùy D trình bày:** Theo bản tự khai ngày 12-3-2021 giữa chị, chị N là bạn bè thân thiết với nhau nay được 03 năm và có buôn bán làm ăn qua lại với nhau, nay chị N làm đơn khởi kiện yêu cầu chị và anh C có trách nhiệm trả số tiền mượn 604.000.000 đồng, tiền lãi và 122.800.000 đồng đã đưa để góp hụi dùm, tổng cộng là 726.800.000 đồng chị không đồng ý vì giữa chị và anh C không vay, không nhận tiền góp hụi dùm, vợ chồng đã ly hôn nên không đồng ý trả theo yêu cầu của chị N.

Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành triệu tập chị D nhiều lần nhưng chị không hợp tác đến Tòa, chị từ chối không nhận văn bản Tố tụng cố tình vắng mặt các buổi làm việc và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành đối chất và hòa giải giữa các bên.

**Bị đơn anh Trần Bá C trình bày:** Theo biên bản lấy lời khai ngày 23-4-2021 hiện nay giữa anh và chị D đã ly hôn, anh không biết việc chị D có mượn tiền và nhận tiền góp hụi dùm cho chị N do vậy nay anh không đồng ý trả số tiền nợ theo yêu cầu của chị N vì anh không biết, không ký tên trong giấy nợ và không liên quan nên chị D tự chịu trách nhiệm trả nợ cho chị N.

Anh C có đơn có đơn xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Kết luận giám định số 1713/C09B ngày 02-4-2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận (bút lục số 33) chữ ký, chữ viết đứng tên “Dương Thị Thùy D” trên tài liệu “ Có mượn 604 triệu... không ghi ngày tháng ” là do Dương Thị Thùy D ký, viết ra.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh:*

Về Tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Anh C có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Ngọc N về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản”. Buộc chị D có trách nhiệm trả cho chị Nương số tiền gốc 604.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định của pháp luật và số tiền 122.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về Tố tụng:

Chị Dương Thị Ngọc N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản đối với chị Dương Thị Thủy D và anh Trần Bá C cư trú tại Huyện Dương Minh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị D vắng mặt tại phiên tòa không lý do; anh C có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh C là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mượn còn nợ 604.000.000 đồng và yêu cầu trả lại số tiền 122.800.000 đồng nhờ góp hội. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét đơn khởi kiện chị N yêu cầu chị D và anh C có trách nhiệm trả lại số tiền 604.000.000 đồng và đòi lại số tiền 122.800.000 đồng thấy rằng:

Chị N và chị D có mối quan hệ thân thiết nên chị N có cho chị D mượn tiền số tiền 604.000.000 đồng, giao tiền tại nhà của chị N, giấy nợ chỉ có một mình chị D ký tên. Quá trình giải quyết chị N cung cấp chứng cứ là giấy mượn tiền 604.000.000 đồng và tiền đưa nhờ góp hội 122.800.000 đồng ghi chung trên 01 tờ giấy có chữ viết, chữ ký mượn tiền của chị D không ghi ngày tháng năm. Chị D không thừa nhận nợ và không đồng ý trả nợ nên chị N yêu cầu trưng cầu chữ viết, chữ ký của chị D trên giấy nợ tại kết luận giám định số 1713/C09B ngày 02-4-2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận (bút lục số 33) chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên “Dương Thị Thủy D” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu

từ M1 đến M4 là do cùng một người ký, viết ra. Do đó, có cơ sở xác định chị D có mượn 604.000.000 đồng và có nhận của chị N số tiền 122.800.000 đồng để góp hội dùm đến nay chưa trả là có thật, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị N là phù hợp pháp luật.

Tuy nhiên xét yêu cầu của chị N yêu cầu anh C cùng có trách nhiệm liên đới cùng chị D trả nợ thấy rằng: Việc giao nhận tiền và ký giấy nợ, chị N xác nhận khi giao tiền có mặt anh C nhưng không yêu cầu anh C ký tên, không xác định được ngày tháng năm cụ thể cho mượn tiền (ngày 15-01-2018 do chị N tự nhớ) vì tin tưởng, ngày chốt nợ về việc đưa tiền nhờ góp hội dùm cũng không có mặt anh C, mặt khác việc cho mượn tiền chỉ hai bên biết và việc đưa tiền nhờ tham gia góp hội cũng không có gì để chứng minh vì không biết chủ hội là ai, không có danh sách hội..., chị N cũng chưa có lần nào gặp mặt anh C để nói về số nợ này hay đòi nợ mặc dù anh C có đi giao hàng cho chị N nhiều lần. Trên giấy nợ không thể hiện ngày tháng năm cho mượn tiền nên không chứng minh số nợ này được xác lập trong thời kỳ hôn nhân và hiện nay chị D và anh C đã ly hôn theo Quyết định số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2020 do vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị N yêu cầu anh C có trách nhiệm liên đới cùng chị N trả nợ này. Nên cần buộc một mình chị D có trách nhiệm trả nợ cho chị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Người đại diện cho chị N chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 09-12-2020 đến ngày 09-7-2021 là 07 tháng tiền lãi và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu tính lãi của chị N theo giấy mượn tiền không đề ngày tháng năm không thỏa thuận việc trả lãi, không thỏa thuận thời hạn trả nợ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự thì về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, do vậy Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi 10%/ năm, cụ thể  $604.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 07 \text{ tháng} = 35.233.333 \text{ đồng}$  (tính chẵn 35.233.000 đồng).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N buộc chị D trả nợ cho chị Nương là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Như vậy chị Dương Thị Thùy D có trách nhiệm trả cho chị Dương Thị Ngọc N số tiền 604.000.000 đồng, tiền lãi 35.233.000 đồng và 122.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

[5] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đề nghị chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị N. Buộc chị Dương Thị Thùy D có trách nhiệm trả cho chị N số tiền gốc 604.000.000 đồng và tiền lãi 35.233.000 đồng; 122.800.000 đồng gốc, không yêu cầu tính lãi suất; Hội đồng xét xử thấy đề nghị này có cơ sở chấp nhận.

[6] Về chi phí giám định: Chị N tạm ứng số tiền 5.400.000 đồng là chi phí giám định tại thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, chị D phải hoàn trả cho chị N số tiền 5.400.000 đồng là phù hợp pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 762.033.000 đồng (20.000.000 đồng + (4% x 362.033.000 đồng)) = 34.481.320 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 166, 280, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Ngọc N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản”.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Ngọc N về việc yêu cầu anh Trần Bá C có trách nhiệm liên đới cùng chị Dương Thị Thùy D trả nợ.

Buộc chị Dương Thị Thùy D có trách nhiệm trả lại cho N số tiền gốc 604.000.000 đồng, tiền lãi 35.233.000 đồng và 122.800.000 đồng. Tổng cộng là 762.033.000 ( Bảy trăm sáu mươi hai triệu không trăm ba mươi ba ngàn) đồng.

2. Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Thùy D phải chịu: 34.481.320 (Ba mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi một ngàn, một trăm ba mươi hai đồng).

Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị Nương số tiền tạm ứng án phí 16.536.000 đồng theo biên lai thu số 0005389 ngày 15-12-2020.

4. Chi phí giám định : Chị Dương Thị Thùy D phải chịu chi phí giám định là 5.400.000 đồng theo quy định tại các Điều 160, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; do chị N đã tạm ứng trước số tiền trên, nên chị D phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị N.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- CCTHA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thiều Thị Phụng**